

ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH TĂNG CƯỜNG TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

TRẦN THỊ YÊN*

Ngày nhận bài: 25/08/2016; ngày sửa chữa: 30/08/2016; ngày duyệt đăng: 12/09/2016.

Abstract: Language barrier is one of factors affecting learning outcomes of ethnic minority students in Vietnam. To break this barrier, the Project on Strengthening Vietnamese under Decision Number 1008/QĐ-TTg has been carried out with aim to equip the basic skills of using Vietnamese for the students. The article mentions this project with many objectives in which schools, families and community play the key role in realizing.

Keywords: Models, strengthening Vietnamese, elementary school students, ethnic minorities.

Tiếng Việt (TV) vừa là môn học cơ bản, vừa là môn học công cụ để học sinh (HS) tiếp thu tri thức và kĩ năng của các môn học khác trong chương trình giáo dục. Tuy nhiên, do sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau trong quá trình dạy học, chất lượng học TV của HS dân tộc thiểu số (DTTS) chưa cao, kéo theo sự hạn chế về phát triển năng lực tư duy, ít nhiều tạo ra những bất lợi cho việc đạt đến những chuẩn mực trong mục tiêu giáo dục của từng bậc học.

Vùng DTTS nơi mà nhiều cộng đồng các DTTS sinh sống nhất, nên HS chủ yếu là người thuộc cộng đồng các DTTS. Một trong những yếu tố làm hạn chế sự phát triển giáo dục đó là vấn đề bất đồng ngôn ngữ trong quá trình dạy và học. Cùng với đó là địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt,... cũng khiến cho việc đi đến lớp, trường của HS người DTTS còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, nhận thức của một số phụ huynh HS, cộng đồng trong việc dạy học nói chung, dạy học TV nói riêng cho con em họ còn nhiều hạn chế, bởi những ảnh hưởng của cư trú vùng miền và tộc người trong các gia đình và cộng đồng khá đa dạng. Chính vì lẽ đó, việc tăng cường TV cho học sinh tiểu học (HSTH) người DTTS không chỉ được thực hiện trong các nhà trường mà còn cần sự phối hợp thực hiện trong các gia đình, cộng đồng dựa trên những căn cứ vào nơi cư trú là vấn đề cần được quan tâm.

1. Một số khái niệm. Khi bàn đến mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS, cần làm rõ một số khái niệm sau:

- Trước hết cần hiểu mô hình là gì? Có nhiều cách hiểu về mô hình tùy vào mục đích của mỗi nghiên cứu khác nhau, mô hình được hiểu là sự mô tả về cách

thức tổ chức hoạt động của đơn vị, cơ quan, tổ chức, cộng đồng; mô hình cũng có thể được hiểu là sự mô phỏng về một hoạt động, một nghiên cứu; và mô hình còn được hiểu là công cụ giúp ta thể hiện sự vật, hiện tượng, quá trình nào đó được diễn đạt hết sức gọn theo một ngôn ngữ riêng. Như vậy, mô hình trong phạm vi bài viết được hiểu là một mẫu mô phỏng về cấu trúc cùng với các thành tố, các hoạt động, và hình thức thực hiện chủ yếu nhằm tăng cường TV cho HSTH người DTTS.

- *Tăng cường TV:* Hiểu một cách đơn giản, tăng cường TV là tăng thêm việc sử dụng TV được nhiều hơn (sử dụng TV trong mọi tình huống giao tiếp), làm cho vốn TV trong mỗi cá thể HS người DTTS được tốt hơn, bảo đảm các em có các kĩ năng cơ bản trong việc sử dụng TV để hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, tạo tiền đề để học tập, lĩnh hội tri thức của các cấp học tiếp theo.

- *Còn “dân tộc thiểu số”* được hiểu theo nghĩa *ethni* - tộc người, trong bài viết này có trường hợp tác giả dùng từ *tộc người* để thay thế từ *dân tộc*. Theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc: “dân tộc thiểu số” được hiểu là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. “Vùng DTTS” là địa bàn có đồng các DTTS cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ cách dẫn giải trên, trong phạm vi bài viết này được hiểu: DTTS là dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Việt Nam và không mang ý nghĩa chỉ khái niệm dân tộc trong “Quốc gia dân tộc”.

Như vậy, mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS được thể hiện trong bài viết là một mẫu mô phỏng về cấu trúc với đặc điểm cư trú và các thành tố, các hoạt động, và các hình thức chủ yếu nhằm mục đích tăng cường vốn TV cho HSTH người DTTS trong việc tiếp thu tri thức một cách nhanh chóng và thuận lợi.

2. Căn cứ và các điều kiện đề xuất mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS

2.1. Căn cứ pháp lí. TV có vai trò rất quan trọng, hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. TV được khẳng định trong **Hiến pháp** năm 2013: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là TV. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình”. Điều 7, **Luật Giáo dục** (2005) quy định: “1. TV là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác...; 2. Nhà nước tạo điều kiện để người DTTS được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho HS người DTTS dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS được thực hiện theo quy định của Chính phủ” [3; tr 11].

Tuy nhiên, với một đất nước đa dân tộc, đa ngôn ngữ, khó khăn lớn nhất của trẻ em DTTS trong việc tiếp thu tri thức chính là vấn đề ngôn ngữ, vì TV (ngôn ngữ thứ hai) không phải là tiếng mẹ đẻ của các em. Trước khó khăn đó, đề án Tăng cường TV theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg với mục tiêu: “Tập trung tăng cường TV cho trẻ em mầm non, HSTH người DTTS, bảo đảm các em có kĩ năng cơ bản trong việc sử dụng TV để hoàn thành chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục tiểu học; tạo tiền đề để học tập, lĩnh hội tri thức của các cấp học tiếp theo; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững các DTTS, đóng góp vào sự tiến bộ, phát triển của đất nước”. Vì vậy, mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS là một trong những giải pháp góp phần thực hiện mục tiêu của đề án đồng thời góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng DTTS.

2.2. Căn cứ thực tiễn. Xuất phát từ thực tiễn cho thấy, ở vùng DTTS do ảnh hưởng của vùng miền và tộc người nên sự phân bố dân cư của các DTTS khá đa dạng: một số DTTS sống tương đối biệt lập, một số DTTS thường sống đan xen nhau trên cùng một địa bàn, rộng là một huyện/xã, hẹp là một thôn/bản. Đặc điểm này dẫn tới việc ngay trong cùng một lớp học, trường học có sự đa dạng về ngôn ngữ: thuần nhất một dân tộc/một ngôn ngữ và nhiều dân tộc/nhiều ngôn ngữ. Như vậy, khi xây dựng mô hình cũng cần phải tính đến sự đa dạng và sự phù hợp với điều kiện sống của HS đó là: với những vùng sống tương đối biệt lập, vốn TV của các em rất hạn chế, thậm chí không có ở gia đình và cộng đồng, mà TV các em chỉ sử dụng trong các giờ học, ngoài ra ở các giờ ra chơi hay trở về với gia đình và cộng đồng các em lại sống trong gia đình và cộng đồng thuần tiếng mẹ đẻ, còn những DTTS sống đan xen, có thuận lợi hơn thì vốn TV của các em khá phát triển. Điều này cũng cho thấy gia đình và cộng đồng nơi các em sinh sống có sức ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển TV của các em nếu như mọi hoạt động diễn ra đều tuân theo một quy định về mặt ngôn ngữ trong từng gia đình và trong cộng đồng tộc người. Đây cũng là vấn đề quan trọng cần đặc biệt lưu ý khi xây dựng mô hình tăng cường TV cho HS người DTTS.

2.3. Các điều kiện để thực hiện mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS:

- Để thực hiện mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS đi vào thực tiễn có hiệu quả thì công tác truyền thông cần phải đi trước một bước, trong đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của việc tăng cường TV cho trẻ em DTTS nói chung, HSTH người DTTS nói riêng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc phụ huynh, HS, giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục và cộng đồng đối với việc tăng cường TV cho trẻ em người DTTS;

- Cần có bộ tài liệu hướng dẫn tập huấn/bồi dưỡng và tự bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục ở vùng DTTS về một số phương pháp, hình thức nhằm tăng cường TV cho HS người DTTS để thực hiện việc dạy - học. Ví dụ: Tài liệu dạy TV dành cho HS người DTTS: theo phương pháp giao tiếp, thực hành theo mẫu, dạy học theo nhóm nhỏ/đối tượng nhóm, hình thức tăng cường tính thực hành; Phương pháp dạy song ngữ; và tài liệu dạy học phụ đạo/bồi dưỡng TV cho HS qua các giờ học chính khóa và

ngoài giờ chính khóa (trong đó chọn lựa những nội dung thiết thực, phù hợp) đối với HS người DTTS;

- Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và HS cần có sự đồng thuận, hợp tác trong việc xây dựng môi trường TV bao gồm: môi trường TV trong lớp học (trang trí lớp học, đồ dùng, sản phẩm của giáo viên và HS có nội dung gắn gũi với HS được thể hiện bằng TV); trang thiết bị dạy học, đồ dùng, học liệu,... dạy học TV phù hợp với các nhóm, lớp, điểm trường (phù hợp đối với nhóm/lớp/điểm trường có HS người DTTS với vốn TV khá hơn và nhóm/lớp/điểm trường vốn TV còn hạn chế do ảnh hưởng của môi trường sống,...);

- Phụ huynh HS và cộng đồng cần được bồi dưỡng/tập huấn về TV đặc biệt đối với những gia đình, cộng đồng sống ở những vùng/tiểu vùng gần như biệt lập với vốn TV còn hạn chế hoặc không có. Điều này đồng nghĩa với việc cần phải có một bộ tài liệu về bồi dưỡng/tập huấn TV cho phụ huynh HS và cộng đồng;

- Cần có sự giải thích, hướng dẫn của các cấp chính quyền địa phương mà bắt đầu từ già làng/trưởng bản/trưởng thôn đến từng hộ gia đình, cộng đồng về sự cần thiết phải sử dụng môi trường giao tiếp bằng TV trong mỗi gia đình (từ các thành viên trong gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,...); các cuộc họp thôn/bản; giao ban xã/hợp xã; và các sinh hoạt khác như phiên chợ, lễ hội,...; các trang tin, biển hiệu, các phương tiện thông tin đại chúng,... trong cộng đồng nên được thể hiện bằng TV và nghe/nói bằng TV;

- Cùng với nhà trường, mỗi gia đình, cộng đồng có trách nhiệm nhắc nhở và hỗ trợ các em trong việc sử dụng TV mọi nơi, mọi lúc, và đến trường, lớp học chuyên cần;

- Cần chú trọng phối hợp đồng bộ cả ba thành tố: nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc tăng cường TV cho HSTH người DTTS. Bởi trẻ em người DTTS trước khi đến trường ít nhất phải có những hiểu biết ban đầu về TV thì chính gia đình, cộng đồng sẽ là những chiếc cầu nối giúp các em HS người DTTS có những hiểu biết bước đầu về ngôn ngữ trong đó có ngôn ngữ TV.

3. Đề xuất mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS

Từ những căn cứ và các điều kiện nêu trên là cơ sở để thực hiện mô hình tăng cường TV cho HSTH

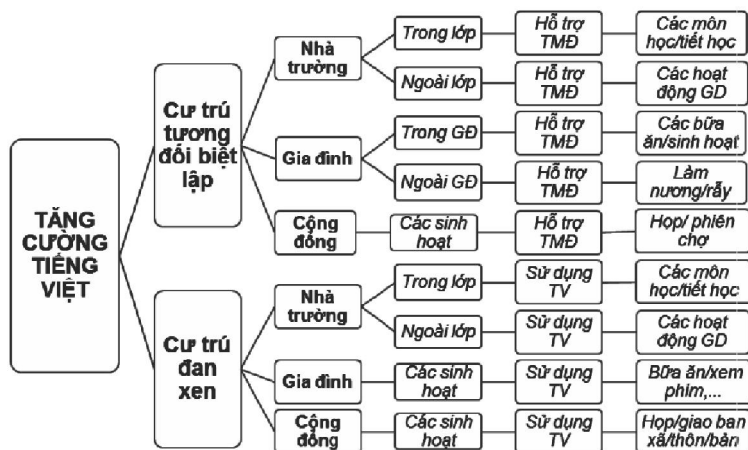
người DTTS. Mục đích của mô hình tăng cường TV nhằm cung cấp cho HS người DTTS vốn TV nhằm:

- Rèn luyện và nâng cao ở HSTH người DTTS các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết TV, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy ngôn ngữ để học tốt môn TV và các môn học khác; rèn luyện và nâng cao TV để tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường;

- Cung cấp và phát triển những kiến thức cần thiết về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp TV, phục vụ yêu cầu rèn luyện kĩ năng và thực hành giao tiếp TV ở mọi nơi, mọi lúc. Mở rộng hiểu biết về con người, cuộc sống, về văn hoá, ngôn ngữ của cộng đồng các DTTS;

- Bồi dưỡng tình yêu TV cho HSTH người DTTS; góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; phát triển nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS có thể khái quát như sau:



Mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS

Tăng cường TV cho HSTH người DTTS dựa trên đặc điểm cư trú được thực hiện với 3 thành tố cơ bản sau:

3.1. Thành tố nhà trường:

- Đối với những DTTS sống tương đối biệt lập để tăng cường TV cho HS người DTTS cần theo tiếp cận giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (*). Trong đó, sử dụng phương pháp giáo dục song ngữ lấy tiếng mẹ đẻ (tiếng dân tộc) được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy những năm đầu của Tiểu học để tạo cơ sở, nền tảng ban đầu giúp HS tiếp cận TV và các môn học khác.

- Đối với những DTTS sống đan xen vốn TV khá hơn cần chú ý đến việc tăng cường TV trong lớp học được thể hiện ở tất cả các môn học, bài học/tiết học, hoạt động, tình huống,... được diễn/xảy ra. Bên cạnh

đó, cần có những tiết học riêng nhằm mục đích tăng cường TV (ví dụ: tiết học tăng cường TV trong các giờ học chính khóa, hay tiết học tăng cường TV trong các giờ học ngoại khóa). Ở ngoài lớp học, tăng cường TV thông qua các hoạt động giáo dục thể hiện qua sự giao tiếp giữa thầy/cô với HS, giữa HS với HS, các hoạt động giao lưu TV đặc biệt đối với những trường, lớp đặc thù của vùng DTTS (trường, lớp bán trú có HS ở lại trong tuần) thì việc tăng cường TV cần thường xuyên, liên tục, diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc.

- Ngoài ra, trong các nhà trường từ trong lớp, ngoài lớp cũng cần chú ý đến môi trường TV thể hiện ở các bảng hiệu, tranh ảnh, các sản phẩm của HS,... từ kênh chữ đến kênh hình đều thể hiện tinh thần và mục đích của việc học TV và cần tăng cường TV trong đó chú ý sự hấp dẫn, gần gũi với văn hóa của HS người DTTS.

3.2. Thành tố gia đình:

- Cần tạo môi trường TV trong mỗi gia đình mọi nơi, mọi lúc. Nên bắt đầu bằng những câu chuyện, những bộ phim,... hấp dẫn để làm cho trẻ cảm thấy thích thú muốn nghe và muốn được xem. Cách thức để phát huy hiệu quả, chủ yếu được thực hiện trong các bữa cơm gia đình, và đặc biệt khi đi làm nương/rẫy, bởi những lúc này họ mới có thời gian vừa làm vừa nói chuyện, trao đổi với nhau và cũng là khoảng thời gian được nói chuyện nhiều nhất.

- Ngoài ra, trong các buổi tối sum họp gia đình, nghe/xem phim ảnh, tin tức đều nên chuyển sang các kênh/sóng có hình/chữ nói và sử dụng bằng TV nhưng phải hấp dẫn và phù hợp với trẻ; Trong thực tế đối với những gia đình sống biệt lập, có trường hợp trẻ dạy cho cha mẹ nói TV (do được học ở trường) và ngược lại, hoặc giải thích bằng tiếng mẹ đẻ để hiểu TV cũng là một trong những cách thức cần phát huy trong mỗi gia đình nhằm góp phần phát triển thêm vốn TV.

3.3. Thành tố cộng đồng:

- Cũng như gia đình, trong cộng đồng cần tạo môi trường TV được thực hiện trong các buổi họp thôn, giao ban xã hay trong các buổi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, phiên chợ,... cần tăng cường việc sử dụng TV để việc trao đổi, nói chuyện, sinh hoạt được diễn ra trong mọi hoạt động. Tuy nhiên, cũng cần chú ý đến những cộng đồng sống biệt lập tương đối thì việc giải thích bằng tiếng mẹ đẻ là một trong những giải pháp giúp họ tiếp cận với TV nhanh hơn, bởi không thể tăng cường TV cho trẻ khi TV trong cộng đồng còn chưa rõ. Bên cạnh đó, việc tạo dựng môi trường TV trong cộng đồng tại các nhà văn hóa của thôn/bản

hay ở xã hết sức cần thiết, đó là việc sử dụng những tranh ảnh, đồ dùng, sách truyện,... mang bản sắc văn hóa dân tộc, gần gũi và hấp dẫn trẻ, kích thích trẻ tìm hiểu và hứng thú đọc.

- Ngoài ra, trên các phương tiện thông tin của thôn/bản/xã cũng cần phát sóng bằng hai thứ tiếng (TV và tiếng mẹ đẻ) để trẻ em trong cộng đồng sống ở những nơi tương đối biệt lập có thể nghe và hiểu được. Nội dung phát sóng cũng nên linh hoạt, thay vì các bản tin đưa ra là những câu chuyện hấp dẫn nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục thay cho bản tin đó, để làm sao trẻ cảm thấy thích nghe và thích được đọc những câu chuyện đó.

* * *

Thực hiện tốt mô hình tăng cường TV không chỉ có ý nghĩa khoa học giáo dục mà còn có ý nghĩa chính trị trong một quốc gia đa dân tộc. Mô hình tăng cường TV cho HSTH người DTTS là một trong những giải pháp được thực hiện phối hợp của ba thành tố cơ bản: nhà trường, gia đình, và cộng đồng. Để thực hiện mô hình trên có hiệu quả cần có sự đồng thuận, chung tay góp sức không chỉ ở các cấp ngành giáo dục mà toàn xã hội: từ sự thay đổi về nhận thức đến hành động nhằm đảm bảo sự công bằng trong giáo dục cho trẻ em DTTS, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong giáo dục ở vùng DTTS. □

(* *Giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, hợp tác giữa Unicef và Bộ GD-ĐT (2007-2015), Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục dân tộc đầu mối thực hiện nghiên cứu.*

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2013). *Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Cổng thông tin điện tử Chính phủ ngày 11/12/2013.
- [2] Trung tâm Nghiên cứu dân tộc (2015). *Báo cáo tổng kết Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ. Dự án Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ Unicef - Bộ GD-ĐT (2007-2015)*.
- [3] Quốc hội (2005). *Luật giáo dục*.
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2016). Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/06/2016 về phê duyệt Đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng năm 2025”.
- [5] Chính phủ (2011). Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2011 về công tác dân tộc.
- [6] Trần Thị Yên (2016). *Phát triển đội ngũ giáo viên tiểu học người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo*. Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.